

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 -11 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 818/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thùy T, sinh năm 1991. HKTT: Ấp TB, xã TĐ, huyện D, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Số V, đường L, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số V, đường L, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thùy T trình bày:

Hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, khi cãi nhau thì anh Đ thường hay lớn tiếng, ngoài ra anh Đ có nhiều mối quan hệ với người phụ nữ khác, với bạn bè bên ngoài không rõ ràng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Con chung: Chị và anh Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Chí D, sinh ngày 24/02/2014, hiện đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Tuy nhiên trường hợp anh Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con thì chị đồng ý nhận.

Tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị xác định anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Chí Đ trình bày:

Hôn nhân: Anh xác định về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị Trần Thùy T trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị T. Chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí D, sinh ngày 24/02/2014, hiện đang sống chung với anh, chị. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn, anh đồng ý giao cháu D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy Đ pháp luật.

Tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh xác định anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác Đ là Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Chí Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử, Quyết Đ hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Nguyễn Chí Đ.

[2] Hôn nhân: Chị Trần Thùy T và anh Nguyễn Chí Đ xác định hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy Đ pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau, anh Đ có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Nguyễn Chí Đ cho rằng quá trình chung sống có bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức phải ly hôn, chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị Trần Thùy T kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T xác Đ không còn tình cảm với anh Đ, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với anh Đ tuy mong muốn được đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào thuyết phục để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của anh, chị, tại phiên tòa anh vắng mặt không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị T và anh Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Chí D, sinh ngày 24/02/2014, hiện đang sống chung với anh, chị. Trường hợp ly hôn, chị T và anh Đ thống nhất giao cháu D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, chị T đồng ý nhận. Xét

thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, mức cấp dưỡng theo quy định bằng một phần hai mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 745.000 đồng/tháng, tính tròn 750.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung: Chị T và anh Đ xác định tự thỏa thuận. Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị T và anh Đ xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thùy T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí Đ.

Con chung: Giao Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 24/02/2014, hiện đang sống chung với chị T và anh Đ cho chị Trần Thùy T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Chí Đ đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Chí Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 28/9/2020, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002148, được đối trừ, chuyển thu, nộp vào ngân sách Nhà nước. Anh Nguyễn Chí Đ phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (chưa nộp).

Chị Trần Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Chí Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- UBND phường 6, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân